

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Cơ điện lạnh

Ngày 15/01/2024	55,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.8%	-7.4%	-

DT thuần
Q4/23

2,065
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 103 | 5.3%
YoY: ▼ 1,005 | -32.7%

LN thuần
Q4/23

681
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 156 | 29.7%
YoY: ▼ 464 | -40.5%

LN sau thuế
Q4/23

643
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 178 | 38.4%
YoY: ▼ 325 | -33.5%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

46.6%

YoY: +/- ▼ 4.2%

ROE
2023

10.9%

YoY: +/- ▼ 4.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	52,100 - 68,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22,561
Số lượng CPLH (CP)	408,706,345
KLGD BQ 20 phiên (CP)	672,256
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.77
EPS	5,353
P/E	10.6

DT thuần
2023

8,570
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 802 | -8.6%

LN thuần
2023

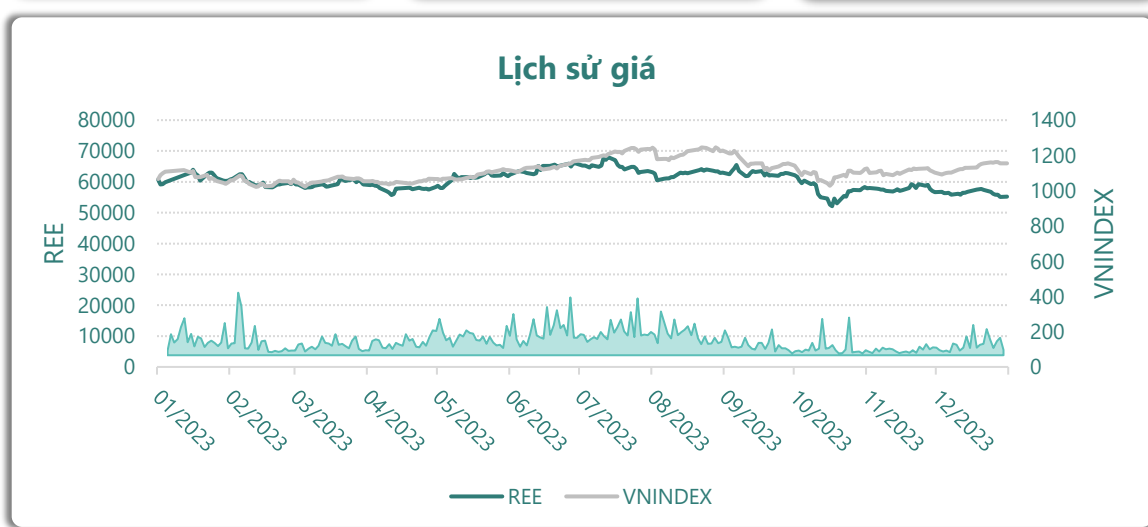
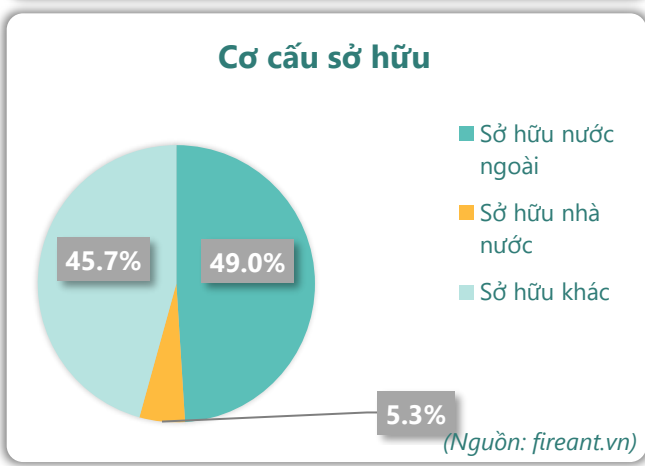
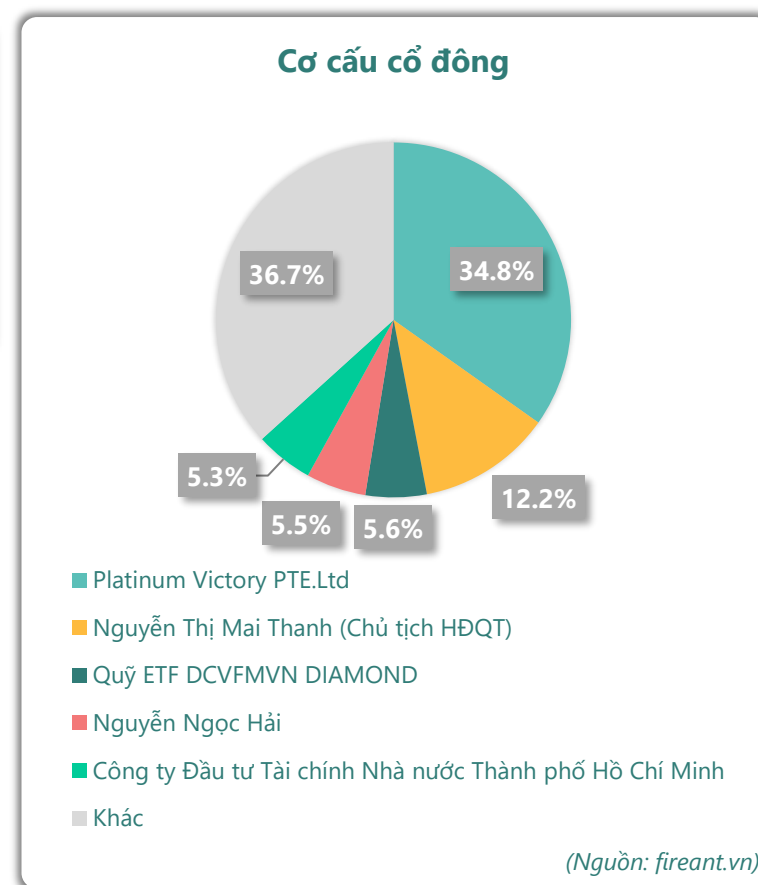
3,043
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 943 | -23.7%

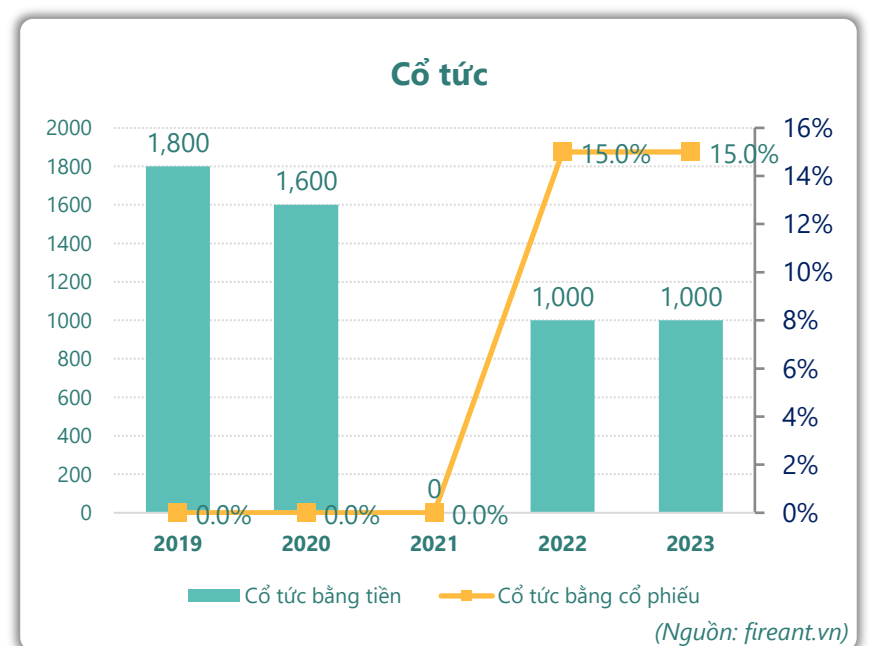
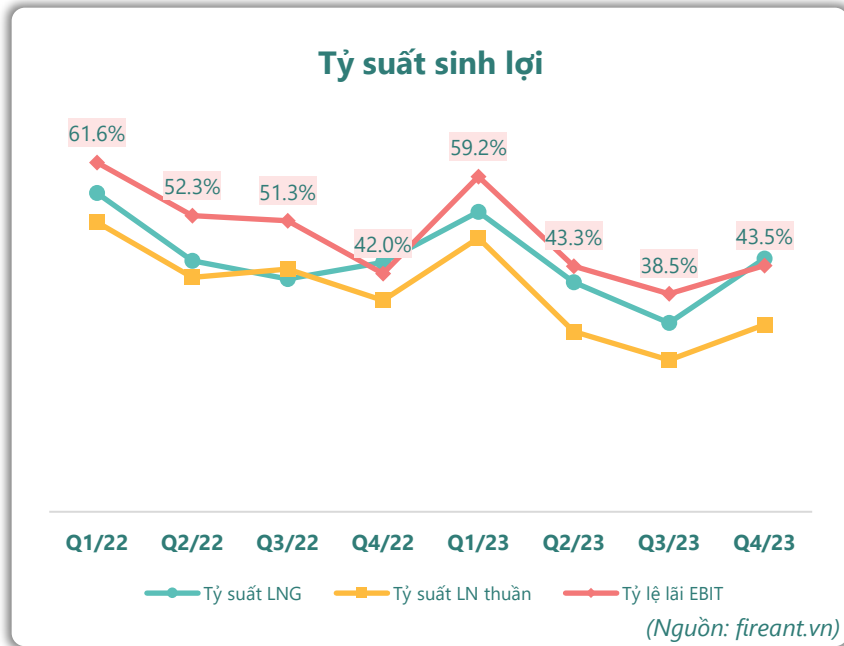
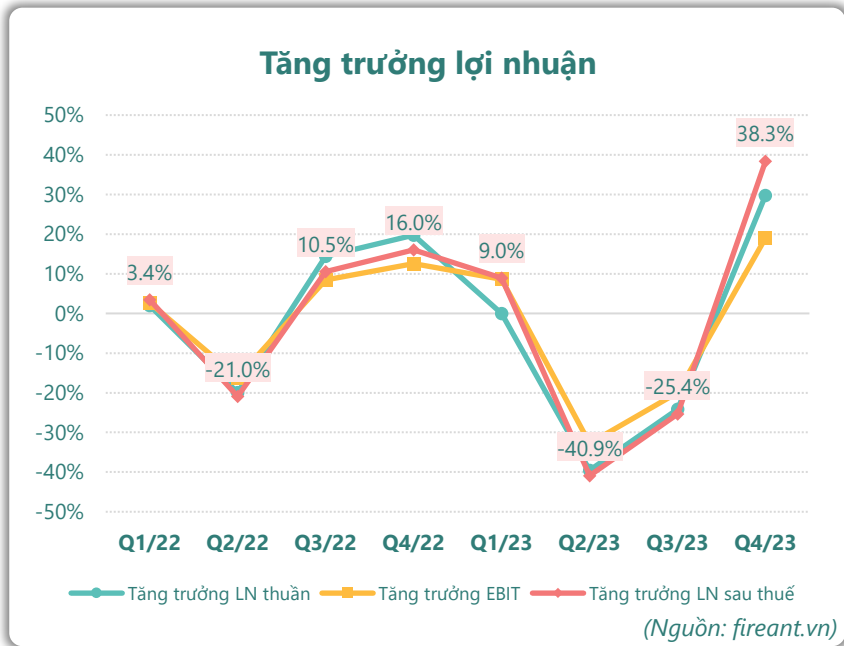
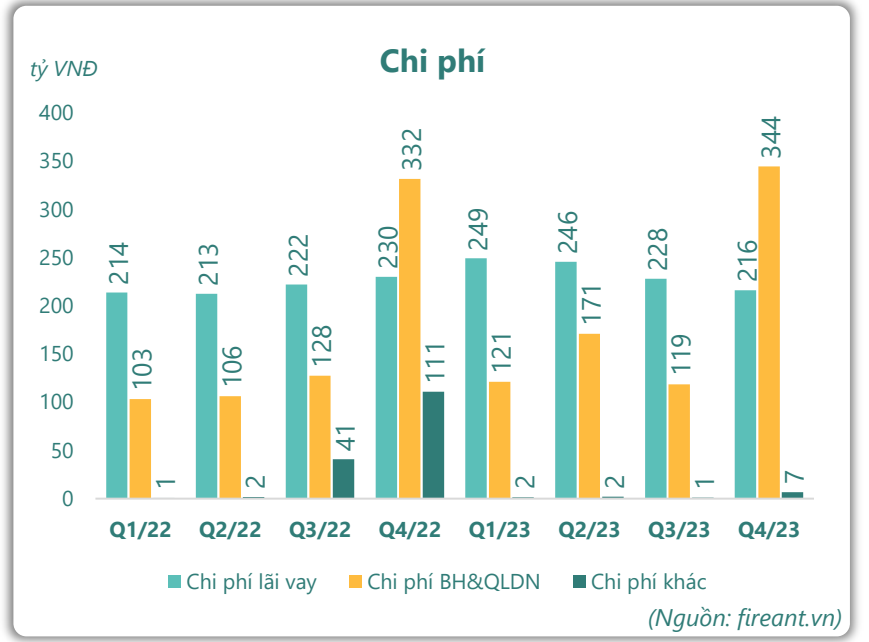
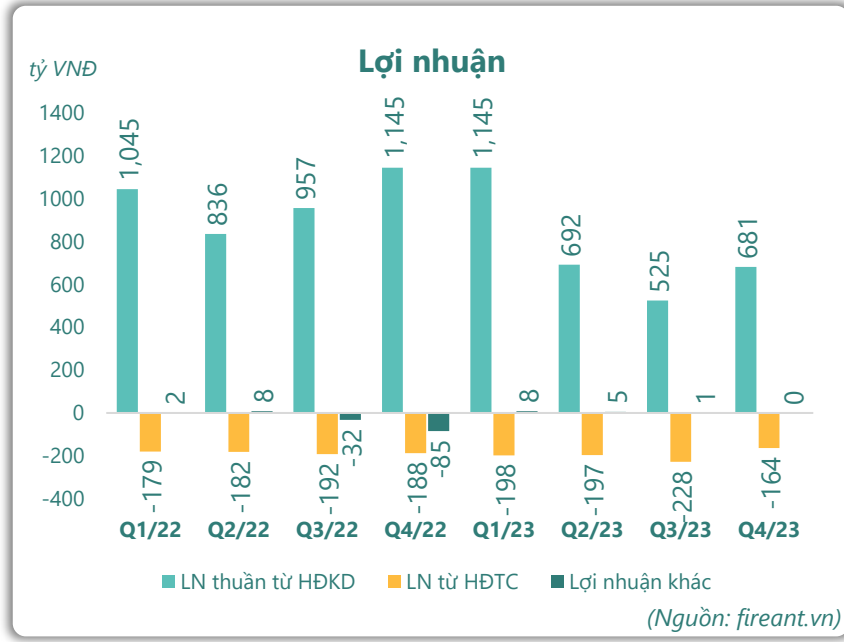
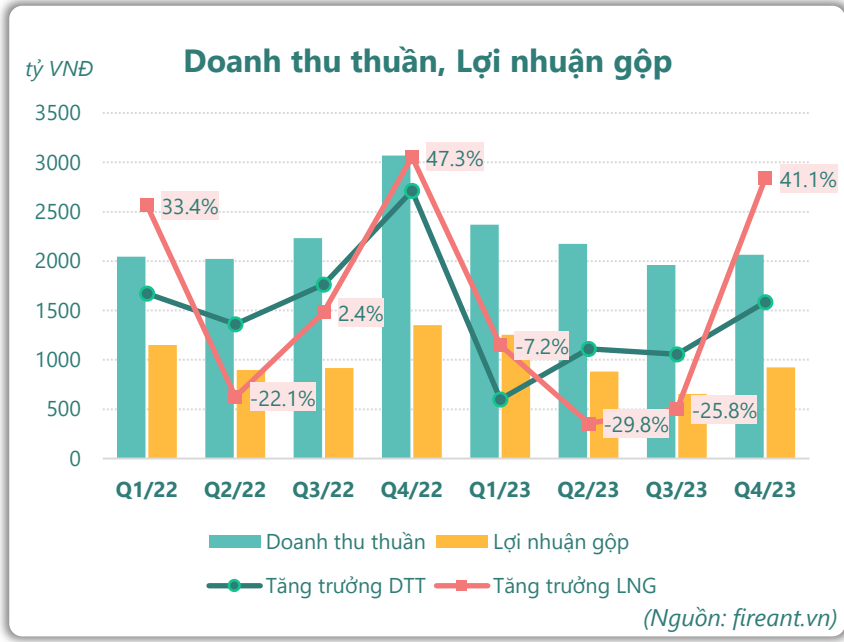
LN sau thuế
2023

2,787
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 728 | -20.7%



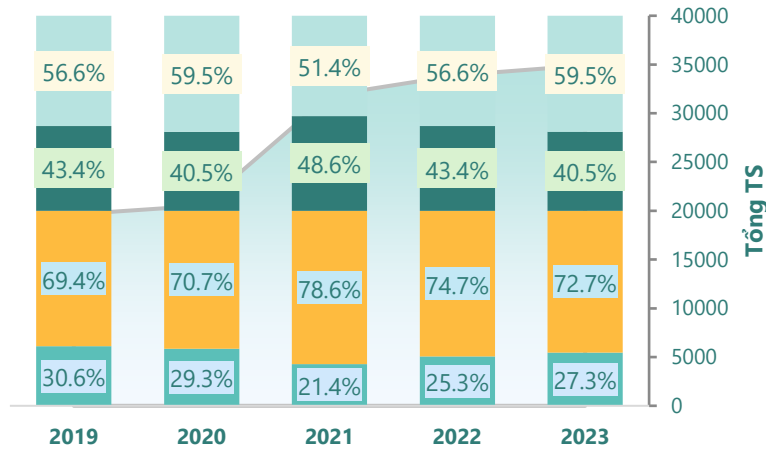
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

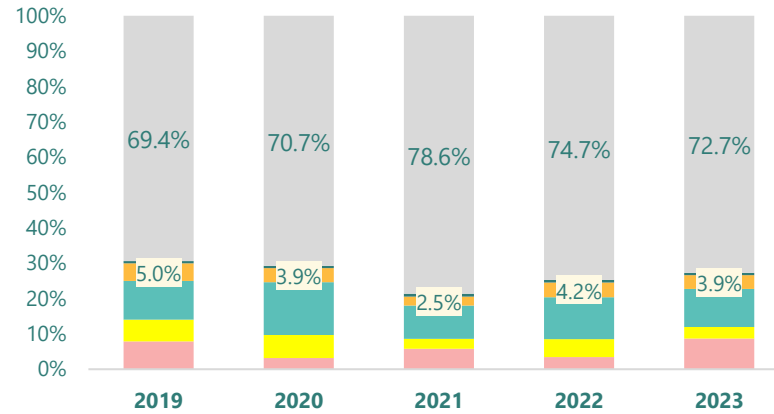
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



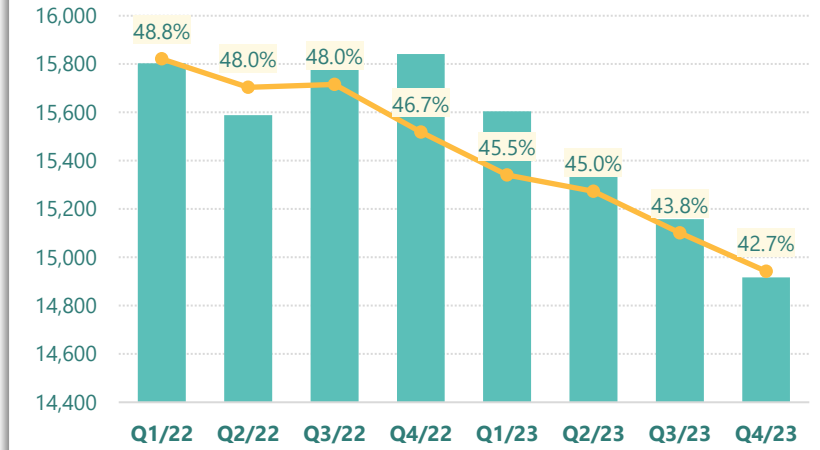
■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

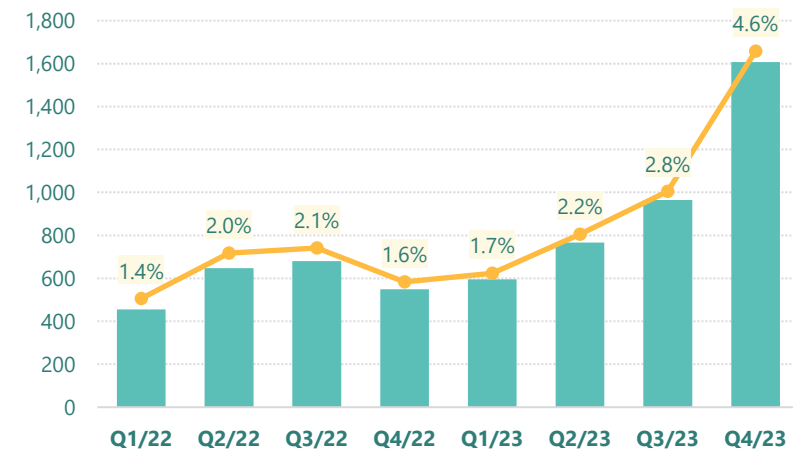


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

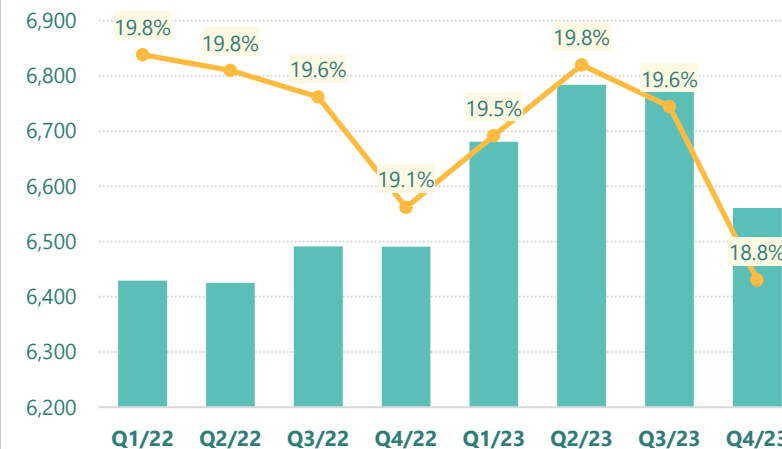


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

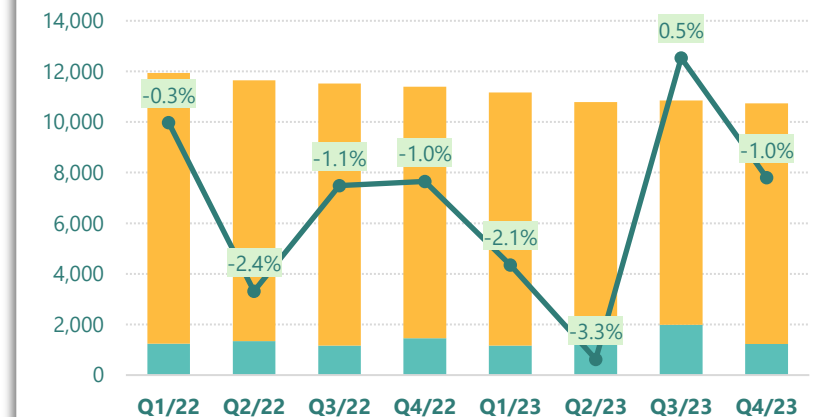


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

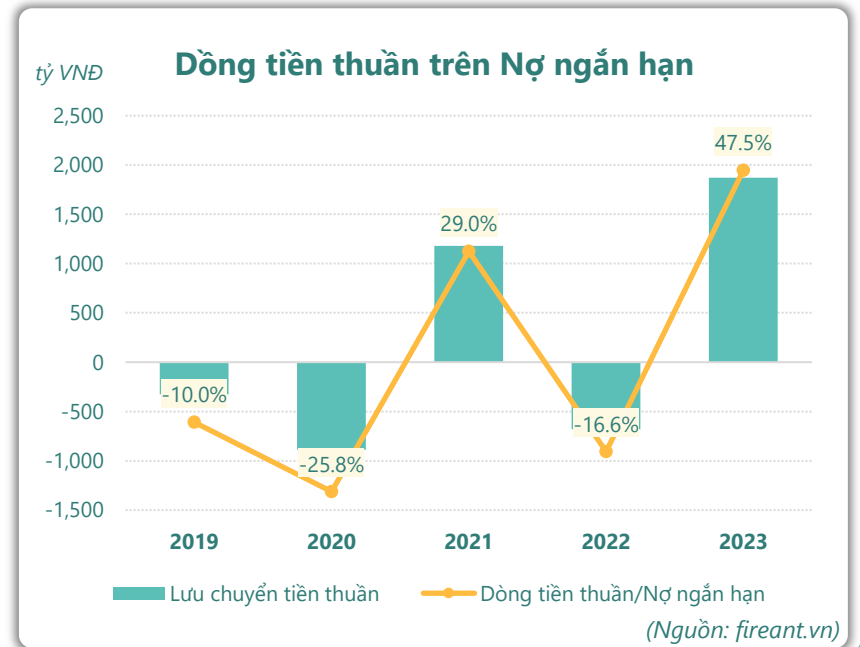
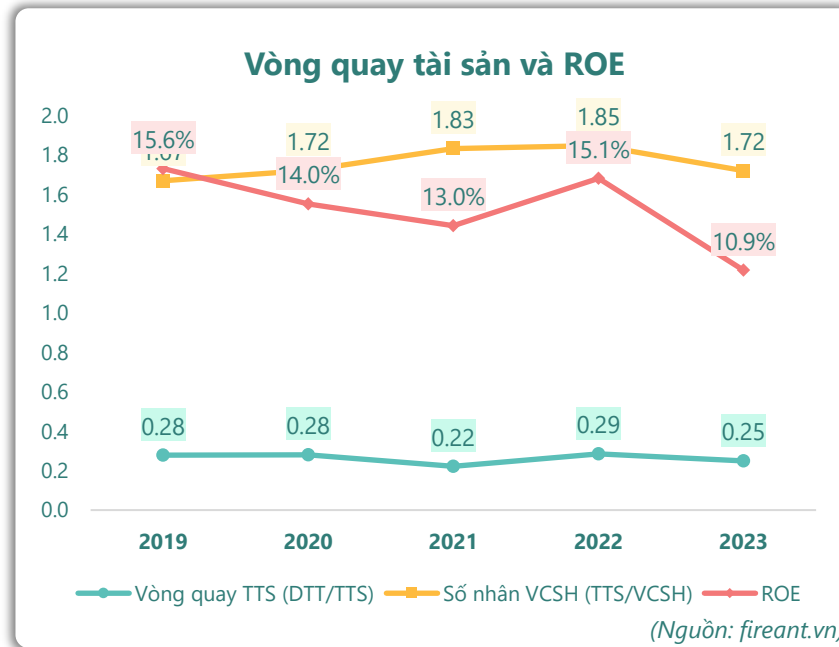
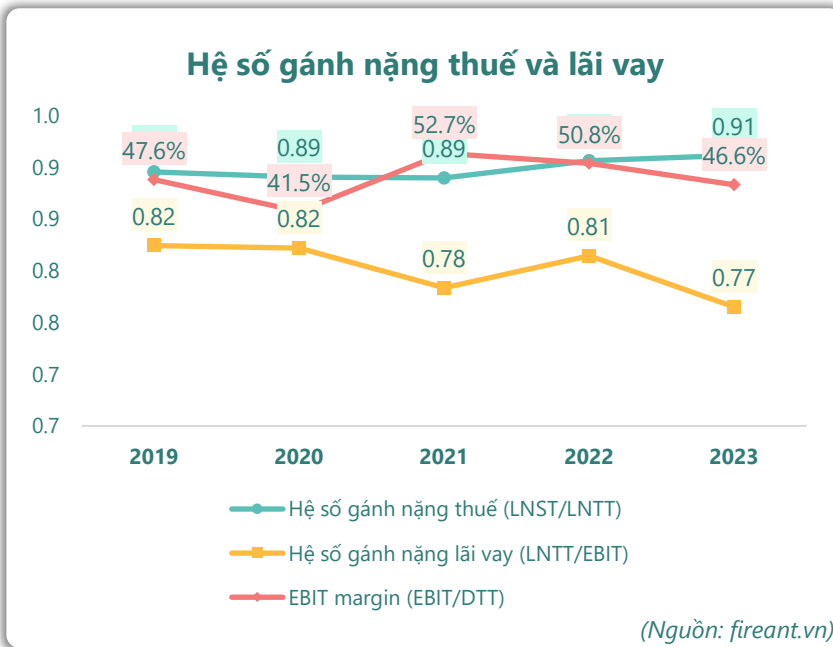
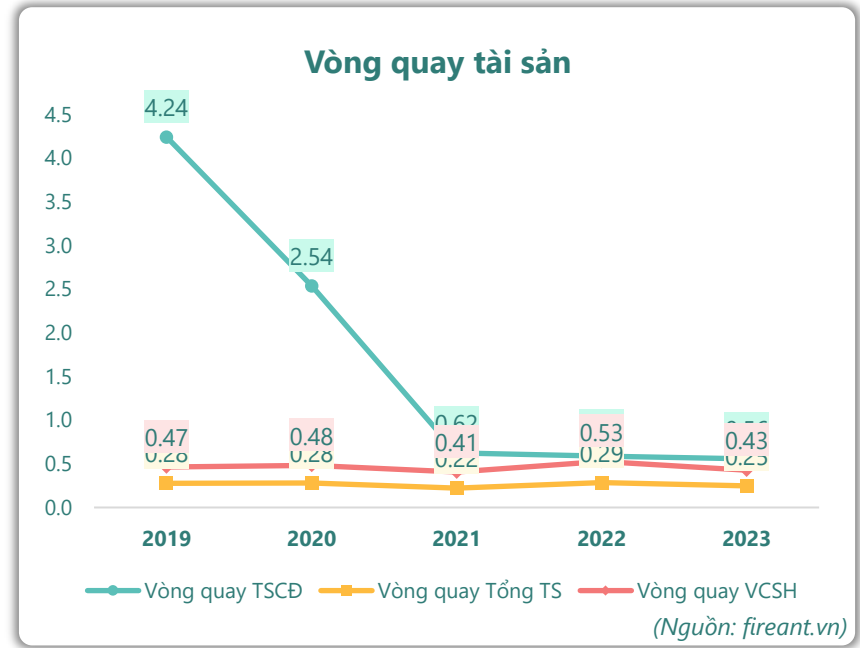
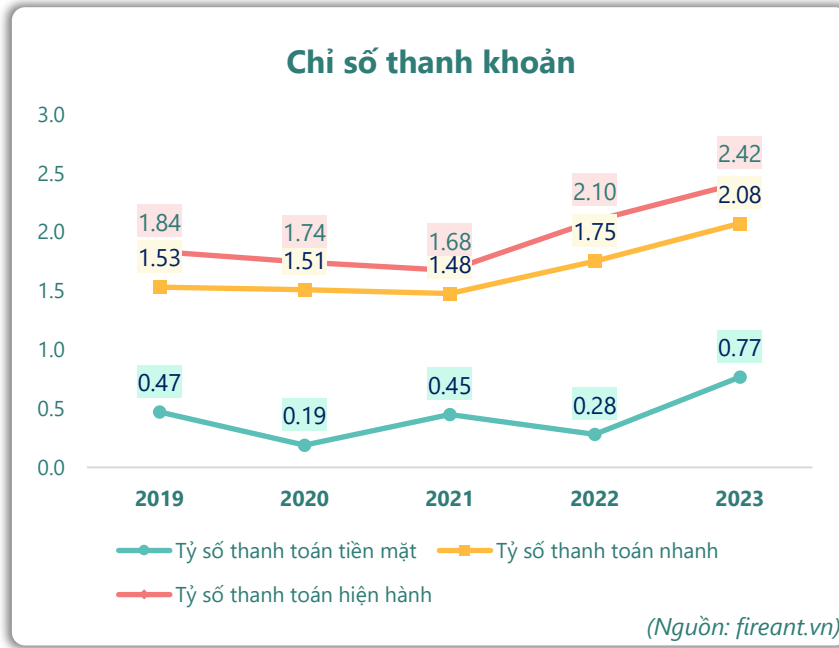
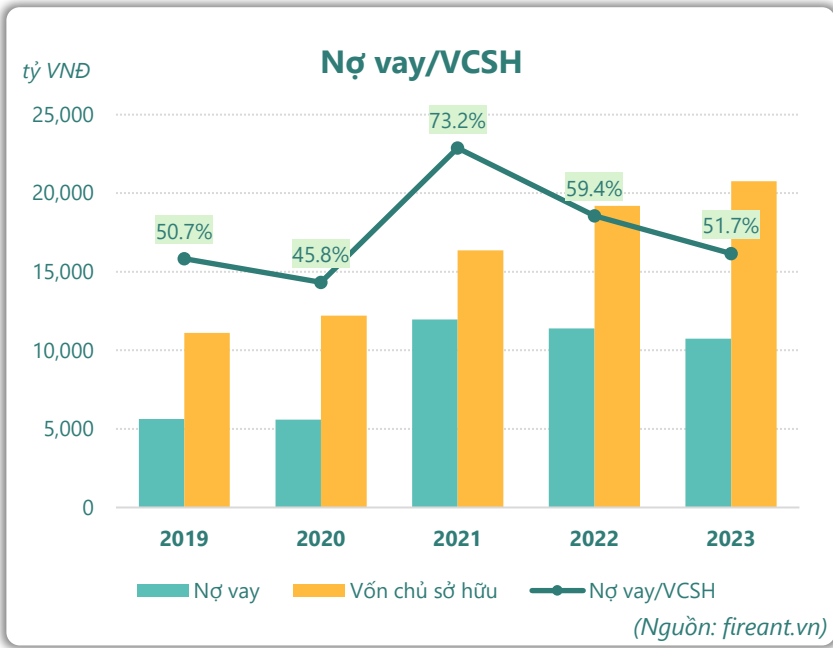


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,065	3,070	-32.7%	8,570	9,372	-8.6%
Giá vốn hàng bán	1,143	1,719	-33.5%	4,859	5,042	-3.6%
Lợi nhuận gộp	922	1,352	-31.8%	3,711	4,330	-14.3%
Doanh thu HĐTC	64.6	59.4	8.8%	230	187	23.0%
Chi phí TC	228	247	-7.6%	1,016	942	7.9%
Chi phí lãi vay	216	230	-6.1%	939	883	6.3%
LN trong công ty LKLD	267	313	-14.7%	874	1,077	-18.9%
Chi phí bán hàng	29.5	27.3	8.2%	92.5	88.9	4.1%
Chi phí QLDN	315	304	3.6%	663	578	14.7%
LN thuần từ HĐKD	681	1,145	-40.5%	3,043	3,986	-23.7%
Lợi nhuận khác	0.45	-84.8	101%	14.0	-107	113%
LN trước thuế	682	1,060	-35.7%	3,057	3,879	-21.2%
Lợi nhuận sau thuế	643	968	-33.5%	2,787	3,515	-20.7%
LNST của CĐ cty mẹ	504	719	-29.9%	2,188	2,693	-18.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	139	-68.1	86.7	968	534	1,248
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-217	366	432	70.0	141	-19.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-467	-209	-275	-813	-211	-291
Tiền đầu kỳ	1,607	1,062	1,151	1,396	1,620	2,085
Lưu chuyển tiền thuần	-545	89.2	244	225	465	937
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.23	0.23	0.00	0.00	0.00	0.03
Tiền cuối kỳ	1,062	1,151	1,396	1,620	2,085	3,023

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	34,910	33,915	2.9%
Tài sản ngắn hạn	9,522	8,573	11.1%
Tiền và tương đương tiền	3,023	1,151	163%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,132	1,749	-35.3%
Phải thu ngắn hạn	3,777	4,013	-5.9%
Hàng tồn kho	1,354	1,409	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	236	251	-5.9%
Tài sản dài hạn	25,388	25,341	0.2%
Phải thu dài hạn	18.2	33.4	-45.7%
Tài sản cố định	14,917	15,842	-5.8%
Bất động sản đầu tư	1,345	1,457	-7.6%
Tài sản dở dang	1,608	549	193%
Đầu tư tài chính dài hạn	6,560	6,491	1.1%
Tài sản dài hạn khác	427	386	10.6%
Lợi thế thương mại	513	583	-12.1%
Nợ phải trả	14,140	14,711	-3.9%
Nợ ngắn hạn	3,936	4,086	-3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,233	1,455	-15.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	622	650	-4.3%
Nợ dài hạn	10,204	10,625	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	9,510	9,946	-4.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	20,770	19,204	8.2%
Vốn chủ sở hữu	20,770	19,204	8.2%
Vốn điều lệ	4,097	3,564	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)